

Thông tin cơ bản về các thủ thuật phẫu thuật
cho Implant Thuôn Ngang Mức Xương Straumann®

Straumann® Bone Level Tapered Implant



Về cuốn sách hướng dẫn này

Sách hướng dẫn **“NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ QUY TRÌNH PHẪU THUẬT VÀ PHỤC HÌNH CHO IMPLANT TRỤ THUÔN NGANG MỨC XƯƠNG ĐƯỜNG KÍNH 2.9 mm CỦA STRAUMANN”** này giúp cung cấp cho bác sĩ thực hành nha khoa và các chuyên gia liên quan những giai đoạn thiết yếu liên quan đến quy trình điều trị phẫu thuật cho implant trụ thuần ngang mức xương (Bone Level Tapered) của Straumann.

Chúng tôi giả định rằng người đọc đã quen với việc đặt implant. Không hẳn là mọi thông tin chi tiết đều có thể tìm thấy trong sách hướng dẫn này. Những thông tin tham khảo liên quan đến các tài liệu hướng dẫn đã có về quy trình của Straumann sẽ được trích dẫn liên tục.

Một vài sản phẩm của hệ thống implant Straumann không có sẵn cho tất cả các quốc gia.

Mục lục

1	Implant trụ trơn ngang mức xương của Straumann®	2
2	Những đặc điểm nổi bật và lợi ích của hệ thống	3
	2.1 Các đặc tính thiết	
	2.2 Vật liệu	
	2.3 Bề mặt	
3	Chỉ định	6
4	Lập kế hoạch điều trị	6
	4.1 Lập kế hoạch trước điều trị	
	4.2 Công cụ hỗ trợ lập kế hoạch	
5	Quy trình phẫu thuật	13
	5.1 Trình tự công việc	
	5.2 Sửa soạn lỗ đặt implant	
	5.3 Đặt implant	
	5.4 Thông tin cụ thể về dòng implant BLT Ø2.9 mm	
	5.5 Immediate placement in extraction sites	
	5.6 Kiểm soát mô mềm	
6	Quy trình phục hình	25
	6.1 Những vạch đánh dấu chỉ độ sâu trên dụng cụ Straumann®	
	6.2 Làm sạch và chăm sóc dụng cụ	
	6.3 Hộp dụng cụ phẫu thuật Straumann®	
7	Danh mục tham chiếu sản phẩm	28
	7.1 Trụ implant	
	7.2 Dụng cụ	
	7.3 Phụ tùng	
	7.4 Danh sách tham khảo sản phẩm implant BLT Ø2.9 mm	
8	Những chỉ dẫn quan trọng	33

1 Implant trụ thuần ngang mức xương Straumann®

Hệ thống implant nha khoa Straumann gồm 2 dòng implant khác nhau, implant ngang mức mô mềm (Tissue Level) và implant ngang mức xương (Bone Level)

Dòng implant ngang mức xương phù hợp cho các điều trị ngang mức xương, kết hợp với quá trình lành thương xuyên nước hoặc vùi dưới nước. Bề mặt nhám của implant được mở rộng đến tận mào của implant và bề kết nối được chuyển vào phía trong.

Implant trụ thuần ngang mức xương (BLT) của Straumann nổi bật với thiết kế kiểm soát xương (Bone Control Design) đã được chứng minh trên lâm sàng, cùng với kết nối CrossFit và các thành phần phục hình CrossFit tương ứng trong danh mục sản phẩm của dòng implant ngang mức xương. Với thiết kế tự cắt và thuần dần về phía chóp, dòng implant này đặc biệt phù hợp với các trường hợp điều trị có xương xốp hoặc ổ răng mới nhỏ, khi mà độ vững ổn sơ khởi là điều đặc biệt quan trọng.

Hệ thống Implant Nha khoa Straumann®				
Implant ngang mức mô mềm			Implant ngang mức xương	
S	SP	TE	BL	BLT
				
Implant Straumann® Standard (chuẩn) (S)	Implant Straumann® Standard Plus (chuẩn cộng) (SP)	Implant có hiệu ứng thuần Tapered Effect (TE)	Implant Ngang Mức Xương Straumann® (BL)	Implant Thuần Ngang Mức Xương (BLT)

Implant Thuần Ngang Mức Xương Straumann® làm bằng vật liệu Roxolid® với bề mặt SLActive® và SLA®

Mã số bằng màu thống nhất làm đơn giản việc nhận diện dụng cụ và implant cho ba đường kính trong xương hiện có là Ø2.9 mm, Ø3.3 mm, Ø4.1 mm và Ø4.8 mm.

Mã số màu		
	blue	Đường kính trong xương của implant 2,9 mm
	Vàng	Đường kính trong xương của implant 3,3 mm
	Đỏ	Đường kính trong xương của implant 4,1 mm
	Xanh	Đường kính trong xương của implant 4,8 mm

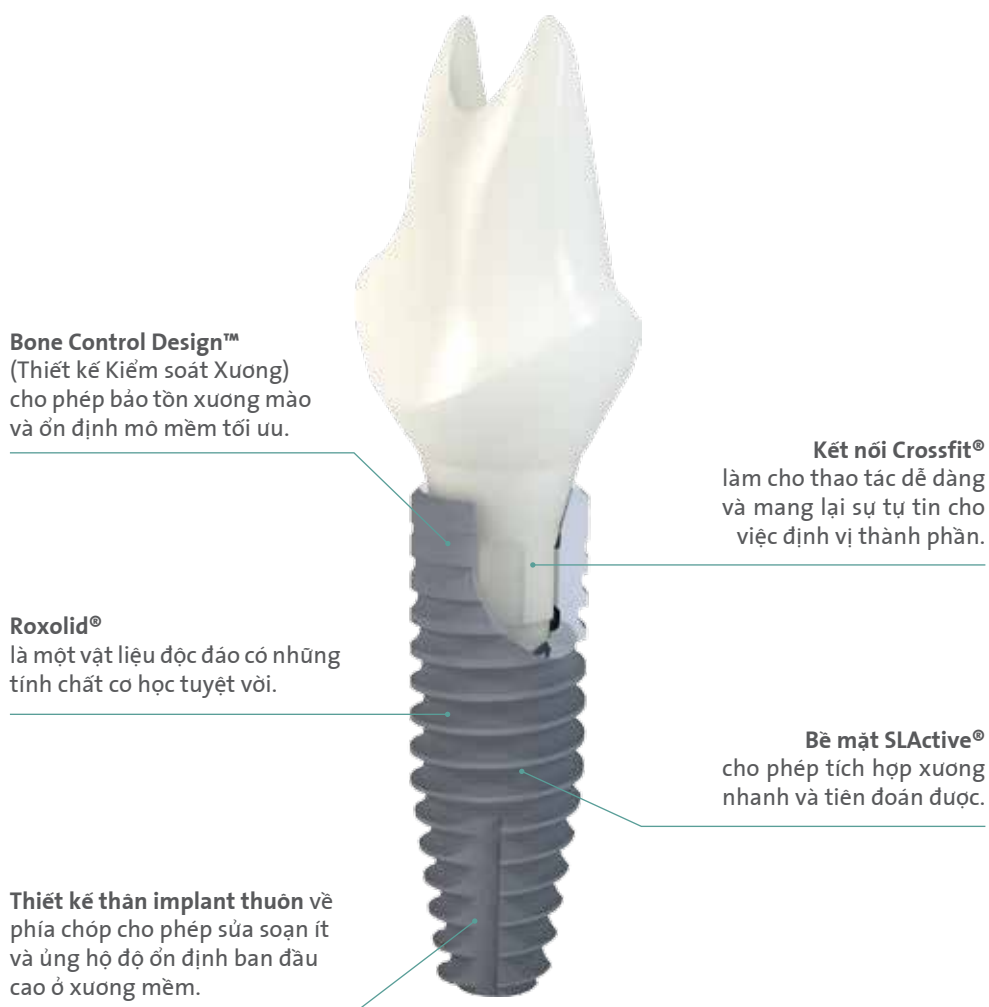


2 Những đặc điểm nổi bật và lợi ích của hệ thống

2.1 Các đặc tính thiết kế

Implant trụ thuần ngang mức xương BLT của Straumann® có một số đặc điểm nổi trội, mang lại khả năng thao tác thuận lợi và các đặc tính lâm sàng vượt bậc. Dưới đây sẽ trình bày các đặc điểm đặc trưng của implant có đường kính nhỏ nhất trong dòng implant trụ thuần ngang mức xương BLT của Straumann®.

Kết nối CrossFit® của implant ngang mức xương ứng dụng những nền tảng và lợi ích từ kết nối dạng côn Morse synOcta của Straumann® vào các yêu cầu cho một kết nối ngang mức xương. Kết nối CrossFit® với hình nón trụ 150 tạo nên cơ chế khóa dựa trên sự ma sát nhờ độ khít sát, cùng với 4 rãnh bên trong lòng kết nối, mang lại độ vững ổn lâu dài tuyệt vời, dưới tất cả các trạng thái tải lực và gần như loại bỏ hoàn toàn tình trạng lỏng vít. Implant trụ thuần ngang mức xương BLT đường kính 2.9mm đặc trưng bởi kết nối CrossFit® nhỏ (SC) với một số thành phần hỗ trợ đặc biệt. Đối với kết nối CrossFit® nhỏ, Straumann® cung cấp Variobase® và trụ phục hình CAD/CAM được thiết kế để mang lại kết quả phục hình tối ưu, kèm với một danh mục sản phẩm toàn diện và đơn giản.



Đặc điểm lưu giữ đặc biệt cho sự khít sát ổn định

Thiết kế kiểm soát xương (Bone Cotrol Design) cho phép bảo tồn mào xương và ổn định mô mềm tối ưu

Roxolid là vật liệu độc nhất với các đặc tính cơ học tuyệt vời

Thiết kế thân implant hội tụ về phía chóp cho phép khoan xương nhỏ lại và giúp tạo vững ổn sơ khởi cao trong những trường hợp xương xốp

Variobase cho mẫu răng với các phục hình đơn lẻ của implant Straumann SC

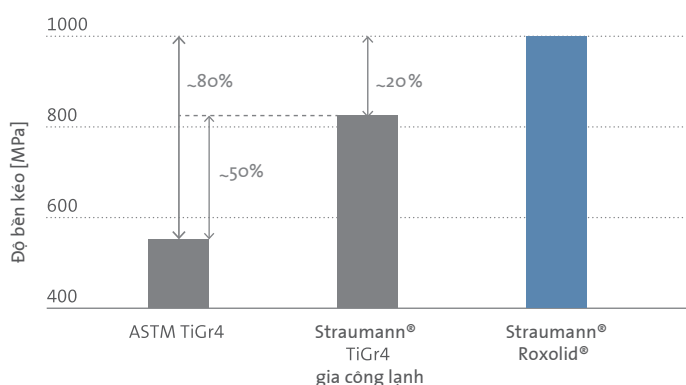
Kết nối CrossFit giúp thao tác dễ dàng hơn, mang lại sự tự tin khi định vị các thành phần phục hình

Bề mặt SLActive cho phép tích hợp xương nhanh và dễ tiên lượng.

2.2 Vật liệu

Roxolid® là một vật liệu đột phá được thiết kế chuyên biệt để sử dụng trong implant nha khoa. Hợp kim titanium-zirconium này bền hơn titanium tinh khiết^{1,2} và có các đặc tính tích hợp xương tuyệt vời.³⁻⁵ Sự kết hợp của các đặc tính như vậy là có một không hai trên thị trường, không có hợp kim nào khác hợp nhất được độ bền cơ học và đặc tính kích dẫn xương.

Nhờ những tính chất sinh học và cơ học xuất sắc, implant làm bằng vật liệu Roxolid® mang lại nhiều lựa chọn điều trị hơn implant làm bằng vật liệu titanium truyền thống.



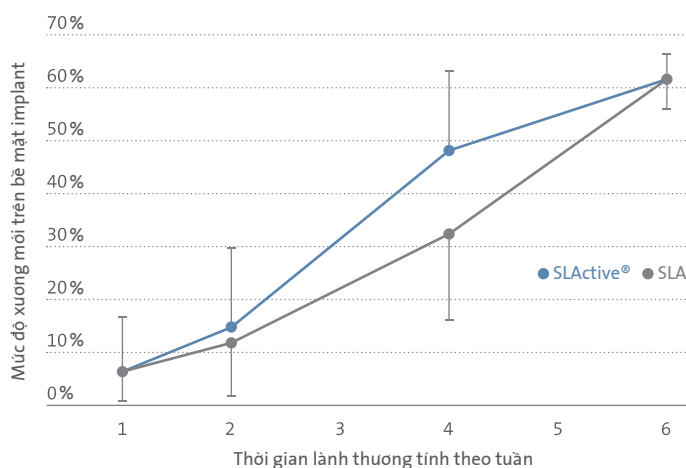
Roxolid® thể hiện độ bền kéo cao hơn 20% so với titanium gia công lạnh Straumann và 80% cao hơn so với titanium chuẩn Hạng 4.

2.3 Bề mặt

SLActive® gia tốc đáng kể quá trình tích hợp xương và mang đến mọi thứ mà bạn mong đợi từ một điều trị implant thành công và thân thiện với bệnh nhân.

- Điều trị an toàn hơn và nhanh hơn trong 3-4 tuần cho tất cả mọi chỉ định¹⁶⁻²⁵
- Giảm thời gian lành thương từ 6 đến 8 tuần xuống còn lại 3 đến 4 tuần⁶⁻¹¹
- Tăng tính tiên đoán của điều trị trong những quy trình điều trị khó

Hầu hết các thất bại implant xảy ra trong giai đoạn sớm quan trọng từ tuần thứ 2 đến tuần thứ 4.¹³ Mặc dù những kiểu lành thương tương tự được thấy ở cả hai implant SLA® và SLActive®, mức độ tiếp xúc giữa xương và implant (BIC) lớn hơn sau 2 tuần và lớn hơn có ý nghĩa sau 4 tuần đối với SLActive® (giá trị $p < 0,05$).¹⁴



Bề mặt SLActive® thể hiện sự tích hợp vào xương mới nhanh hơn sau 4 tuần (50%) so với bề mặt SLA® (30%).

2.4 Bộ phận chuyển

Implant Thuôn Ngang Mức Xương được giao với bộ phận chuyển LoximTM, nối với implant bằng bộ phận gá ấn tách.

Đặc tính	Ưu điểm
Gá ấn tách	... để dễ thao tác mà không cần giữ chống di chuyển (counter maneuvering)
Màu xanh biển ...	... để dễ nhìn thấy
Kích thước gọn ...	... để dễ đi vào
Đánh dấu chiều cao ...	... để đặt implant chính xác
Điểm gãy được xác định trước ...	... tránh nén ép quá mức

2.5 Kết nối phục hình

Kết nối Crossfit® của Implant Ngang Mức Xương áp dụng bí quyết công nghệ và ưu điểm của kết nối thuần Straumann® synOcta® Morse vào những yêu cầu về kết nối ở mức xương.

Sự khít sát ma sát do khoá cơ học của kết nối Crossfit® hình nón-trụ 150 với bốn rãnh bên trong có độ ổn định tuyệt vời trong tất cả mọi điều kiện tải lực và hầu như loại bỏ tình trạng lỏng vít. Implant Ngang Mức Xương Ø4,1 mm và Ø4,8 mm có cùng kết nối – kết nối Crossfit thông thường (RC), và chúng có các thành phần thứ cấp giống nhau. Implant Ngang Mức Xương Ø3,3mm có kết nối Crossfit Hẹp (NC).



Đối với kết nối Crossfit®, Straumann mang đến nhiều trụ chuẩn và CAD/CAM bằng những vật liệu hàng đầu và một phổ ứng dụng đầy đủ - được thiết kế để tạo ra kết quả phục hình tối ưu trong hầu như mọi trường hợp. Để dễ sử dụng, bạn chỉ cần một bộ phục hình cho tất cả mọi Implant Ngang Mức Xương. Bộ đơn lẻ này dễ làm chủ, thao tác đơn giản và cho phép kiểm soát các bộ phận thuận tiện

	SC	NC/RC							
	Single unit replacement	Thay thế một đơn vị và nhiều đơn vị			Điều trị mất răng				
	Screw-/cementretained	Bất vít		Gắn cement		Cố định		Thảo lắp	
Hàng đầu	 CARESc® Abutment TAN	 Trụ Vàng	 Trụ CARESc® ZrO ₂	 Trụ Vàng	 Trụ CARESc® ZrO ₂	 Thanh cố định CARESc® Advanced	 Trụ Vàng	 Thanh tiên CARESc®	 Trụ cho Thanh Vàng
Cao cấp	 Variobase® Abutment	 Cầu răng bất vít CARESc®  Trụ CARESc® TAN		 Trụ bất vít*	 Trụ giải phẫu bé cong góc 15°  Trụ CARESc® Ti	 Thanh cố định cơ bản CARESc®  Cầu bất vít CARESc®	 Trụ bất vít*	 Thanh CARESc®	 Trụ cho Thanh Ti  Trụ bất vít*
Chuẩn		 Trụ Variobase™		 Trụ Cementable				 LOCATOR®	

Hàng đầu: Giải pháp cho những ca có mức độ cá nhân hoá cao kết hợp với zirconia để có thẩm mỹ cao hoặc hợp kim quý vàng cao.

Cao cấp: Giải pháp cao cấp về kỹ thuật đòi hỏi mức độ cá nhân hoá cao.

Chuẩn: Giải pháp hiệu quả về chi phí với các thành phần tiêu chuẩn và các kỹ thuật cho những ca đơn giản.

*Trụ cán bản cung cấp những giải pháp linh hoạt, biến thiên từ mức độ rẻ (hiệu quả về chi phí) đến thẩm mỹ cao

3 Chỉ định

Để có được nhiều thông tin hơn về chỉ định và chống chỉ định liên quan với từng implant, xin vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng tương ứng. Hướng dẫn sử dụng có thể xem tại www.ifu.straumann.com

Implant Thuôn Ngang Mức Xương Straumann (BLT) có 3 đường kính khác nhau với được đặc tính riêng biệt cho từng đường kính:

Chỉ định đặc hiệu cho các implant Straumann					
Loại Implant		Đặc tính riêng	Chiều rộng sống hàm tối thiểu*	Chiều rộng khoảng mắt răng tối thiểu**	Available lengths
BLT Ø2.9 mm SC Roxolid® SLActive®		* Small diameter implant for central and lateral incisors in the mandible, and lateral incisors in the maxilla	5.0 mm	5.0 mm	10–14 mm
BLT Ø 3,3 mm NC Roxolid®/ Titanium SLActive		* Implant đường kính nhỏ cho khoảng giữa các răng hẹp và sống hàm hẹp	5.5 mm	5.5 mm	8–16 mm
BLT Ø 4,1 mm RC Roxolid®/ Titanium SLActive®/ SLA®		* Cho các chỉ định implant trong xương ổ xương hàm trên và xương hàm dưới, để phục hình chức năng và thẩm mỹ bệnh nhân mất răng toàn bộ hoặc mất răng một phần	6 mm	6 mm	8–16 mm
BLT Ø 4,8 mm RC Roxolid®/ Titanium SLActive®/ SLA®		* Cho các chỉ định implant trong xương ổ xương hàm trên và xương hàm dưới, để phục hình chức năng và thẩm mỹ bệnh nhân mất răng toàn bộ hoặc mất răng một phần * Implant BLT Ø 4,8 mm được thiết kế chuyên biệt cho các khoảng mắt răng và sống hàm rộng hơn	7 mm	7 mm	8–16 mm

* Chiều rộng sống hàm tối thiểu: Chiều rộng ngoài-trong tối thiểu của sống hàm được làm tròn đến 0,5 mm thiếu

** Chiều rộng khoảng mắt răng tối thiểu: Chiều rộng gần-xa tối thiểu của khoảng mắt răng để làm một phục hình một răng đơn lẻ, giữa các răng kế cận, được làm tròn đến 0,5 mm

*** 18mm chỉ có sẵn trong Roxolid SLActive/SLA

4 Lập kế hoạch

4.1 Lập kế hoạch trước mổ

Implant là trọng tâm của phục hình răng. Nó tạo ra nền móng cho việc lập kế hoạch thủ thuật phẫu thuật. Giao tiếp chặt chẽ giữa bệnh nhân, nha sĩ, phẫu thuật viên và kỹ thuật viên là cần thiết để đạt được kết quả thẩm mỹ như mong muốn.

Để xác định tình trạng địa hình xương, định hướng trục và lựa chọn implant, chúng tôi khuyến nghị những điều sau:

- Làm mẫu sáp trên trên mẫu hàm đã được chuẩn bị trước đó hoặc dùng một phần mềm lập kế hoạch implant như coDiagnostiX® cùng với dữ liệu hình ảnh y khoa của bệnh nhân.
- Xác định loại kiến trúc bên trên của phục hình

Mẫu sáp về sau có thể được dùng làm cơ sở để làm máng chụp tia X cá nhân và để làm phục hình tạm.

Đường kính implant, loại implant, vị trí và số lượng implant nên được chọn riêng cho cá nhân, có xem xét đến giải phẫu và tình trạng khoảng (ví dụ: răng sai vị trí hoặc răng nghiêng). Những số đo được cho ở đây nên được xem như là hướng dẫn tối thiểu. Chỉ khi khoảng cách tối thiểu được quan sát, chúng ta có thể thiết kế phục hình để có thể thực hiện những biện pháp vệ sinh răng miệng cần thiết.

Đáp ứng cuối cùng của mô cứng và mô mềm bị ảnh hưởng bởi vị trí giữa implant và phục hình được đề xuất. Vì thế, nó nên được dựa trên vị trí kết nối implant-trụ phục hình. Vị trí implant có thể được xem xét ở ba chiều không gian:

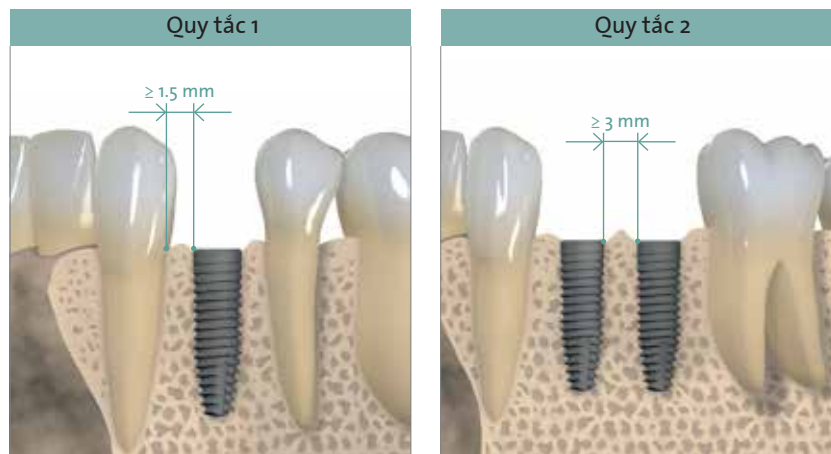
- Gần-xa
- Ngoài-trong
- Trên-duới

Chú ý: Trụ phục hình luôn luôn được tải lực theo chiều trục, trục dài của implant thẳng hàng với các múi của răng đối diện. Nên tránh hình thành các múi cục đoạn. Nó có thể dẫn đến tải lực không sinh lý.

Vị trí implant theo chiều gần-xa

Lượng xương hiện có theo chiều gần-xa là một yếu tố quan trọng cho việc chọn loại implant và đường kính implant cũng như khoảng cách giữa các implant trong trường hợp đặt nhiều implant. Điểm tham chiếu trên implant để đo khoảng cách gần xa luôn luôn là bờ vai ở phần có thể tích lớn nhất của implant. Chú ý rằng tất cả mọi khoảng cách được nêu trong chương này đều được làm tròn đến 0,5 mm.

Những quy tắc cơ bản sau đây phải được áp dụng:



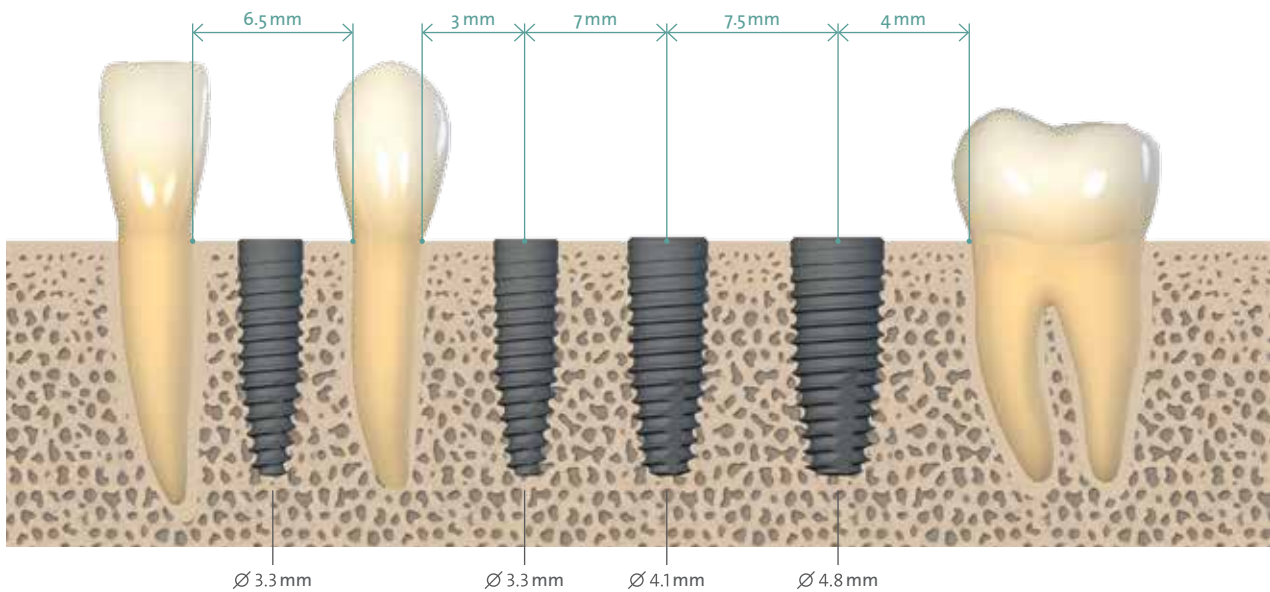
Quy tắc 1: Khoảng cách đến răng kế cận đo ở ngang mức xương

Khoảng cách tối thiểu cần có là **1,5 mm** từ bờ vai implant đến răng kế cận ở **ngang mức xương** (phía gần và phía xa).

Quy tắc 2: Khoảng cách đến implant kế cận đo ở ngang mức xương

Khoảng cách tối thiểu cần có là **3 mm** giữa hai bờ vai implant kế cận (gần-xa).

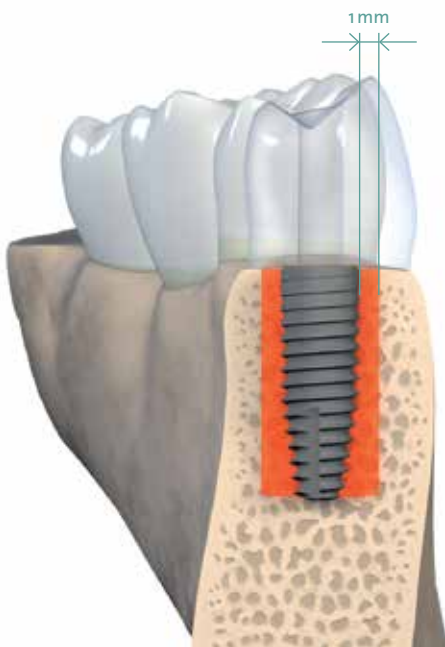
Những ví dụ sau đây cho thấy cách áp dụng quy tắc 1 và 2 trong những khoảng mất nhiều răng. Đo ngang mức xương từ răng kế cận đến trung tâm của implant và giữa trung tâm các implant. Khoảng cách tối thiểu là 3 mm giữa bờ vai của hai implant kế cận là quan trọng để tạo dễ dàng cho sự đặt vật khít sát, để tránh sự kề cận những thành phần thứ cấp và để có đủ khoảng cho việc bảo trì và làm vệ sinh ở nhà.



Vị trí implant theo chiều ngoài-trong

Lớp xương mặt ngoài và mặt trong phải dày ít nhất là 1mm để đảm bảo các điều kiện của mô cứng và mô mềm. Bề rộng sống hàm theo chiều ngoài-trong tối thiểu cho những loại implant riêng biệt được trình bày trong Phần Chỉ định ở chương 3. Trong giới hạn này, vị trí và trục của implant theo chiều ngoài-trong theo hướng dẫn của phục hình nên được chọn để có thể làm phục hình bất vít.

Chú ý: Thủ thuật ghép xương được chỉ định trong những trường hợp thành xương ngoài-trong nhỏ hơn 1 mm hoặc một lớp xương bị mất ở một phía trở lên. Kỹ thuật này chỉ nên dùng bởi nha sĩ có đủ kinh nghiệm trong các thủ thuật ghép xương.



Lớp xương phải dày ít nhất 1 mm

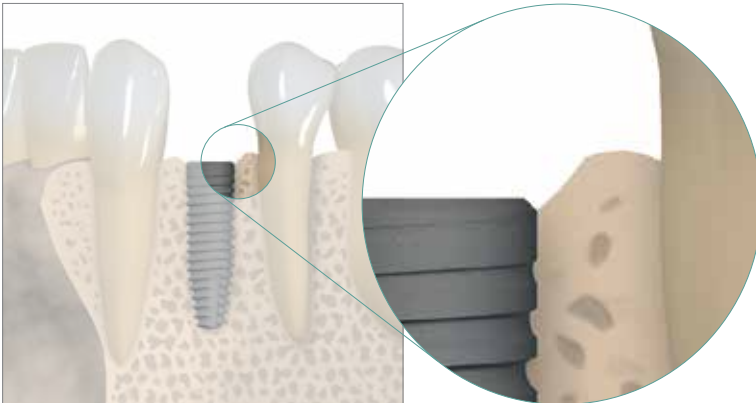


Chọn vị trí và trục implant theo chiều ngoài-trong để cho lỗ vít của phục hình bất vít được định vị ở phía sau rìa cắn

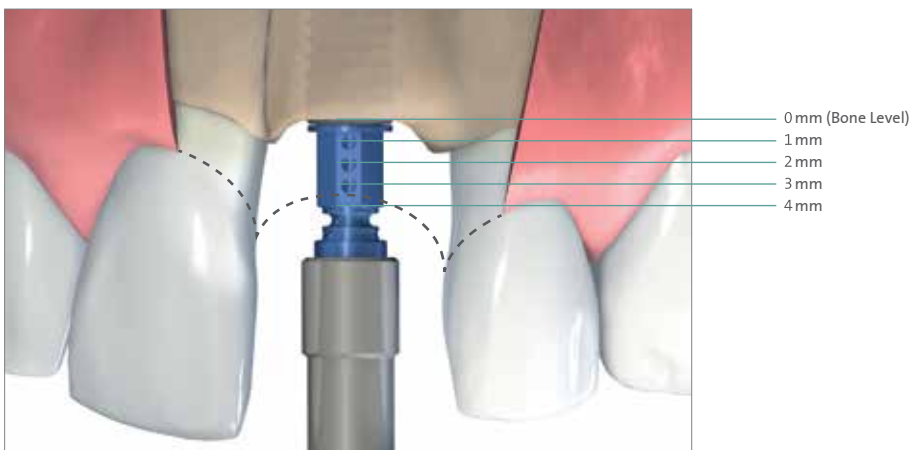
Vị trí implant theo chiều trên-dưới

Implant Straumann cho phép định vị linh hoạt implant theo chiều trên-dưới, phụ thuộc vào giải phẫu, vị trí implant, loại phục hình được lên kế hoạch và sở thích của từng cá nhân.

Implant Thuôn Ngang Mức Xương được đặt tốt nhất với viền ngoài cùng của gờ nghiêng nhỏ 45° (bờ xuôi) ở ngang mức xương.



Theo lý tưởng, ở vùng thẩm mỹ, bờ vai implant nên được định vị khoảng 3 – 4 mm dưới nướu so với viền nướu tương lai. Các dấu tròn đánh dấu trên Bộ phận chuyển Loxim® chỉ định khoảng cách đến bờ vai implant theo từng bậc mỗi bậc 1 mm.



4.2 Những trợ cụ cho lập kế hoạch

Xương hiện có theo chiều đứng quyết định chiều dài cho phép có thể đặt được của implant. Để xác định dễ dàng xương hiện có theo chiều đứng, chúng tôi khuyến cáo dùng Bảng mẫu X quang (X-ray Template) (Mã số 025.0003) cùng với Bì tham chiếu X quang (Mã số 049.076V4).

4.2.1 Bảng mẫu X quang Straumann®

Bảng mẫu X quang được dùng để đo và so sánh. Chúng cũng giúp người dùng chọn loại implant, đường kính và chiều dài phù hợp. Tương tự với sự biến dạng trên phim tia X, các kích thước implant được thể hiện trên từng bảng mẫu với hệ số biến dạng tương ứng (1:1 đến 1,7:1).

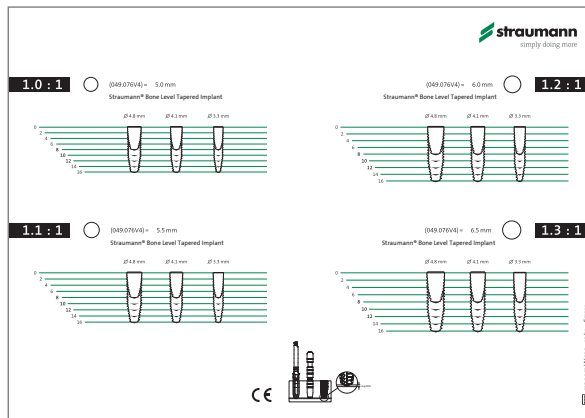
Việc xác định hệ số phóng đại được dễ dàng bằng cách thể hiện Bì tham chiếu X quang trên bảng mẫu. Đầu tiên, hãy so sánh kích thước của Bì tham chiếu X quang trên phim tia X của bệnh nhân với kích thước của bì tham chiếu trên bảng mẫu. Chồng hai hình ảnh của bì lên nhau để tìm ra bảng mẫu của tỷ lệ đúng. Sau đó, xác định tương quan không gian xung quanh vị trí implant và thiết lập chiều dài implant và độ sâu đặt implant.

4.2.2 coDiagnostiX®

Chúng ta cũng có thể lập kế hoạch với coDiagnostiX®. Phần mềm chẩn đoán và lập kế hoạch implant này được thiết kế cho việc lập kế hoạch phẫu thuật implant nha khoa với sự hướng dẫn của hình ảnh, bao gồm Implant Thuôn Ngang Mức Xương là loại có trong thư viện kỹ thuật số các hệ thống implant của phần mềm. Sự làm việc với phần mềm được dựa trên dữ liệu hình ảnh y khoa chẳng hạn như CT (Cắt lớp điện toán) và DVT (Cắt lớp thể tích kỹ thuật số, hay còn gọi là CBCT) được xử lý bởi coDiagnostiX®

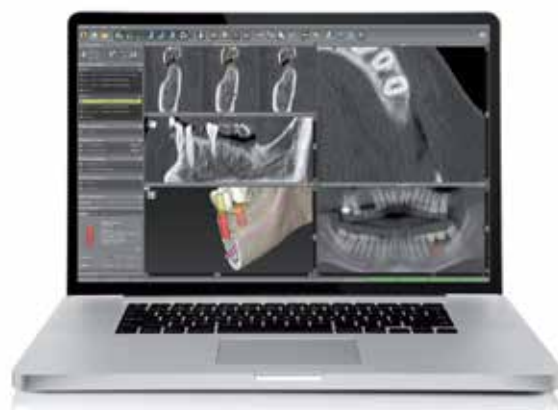
Việc lập kế hoạch bao gồm tính toán một số chiều thể nhìn (chẳng hạn như toàn cảnh ảo hay là tái tạo 3 chiều bộ dữ liệu hình ảnh) và phân tích dữ liệu hình ảnh và đặt implant, trụ phục hình và các ống khoan (drilling sleeves).

Phần mềm coDiagnostiX® được thiết kế cho các nhà chuyên môn có kiến thức phù hợp trong lĩnh vực implant và phẫu thuật nha khoa. Để có thêm thông tin, vui lòng tham khảo Cẩm nang coDiagnostiX®.



Để có thêm thông tin về việc chuẩn bị mảng chụp X quang với các bì tham chiếu, hãy xem Basic Information on the Surgical Procedures – Straumann® Dental Implant System (Thông tin cơ bản về các thủ thuật phẫu thuật – Hệ thống Implant Nha khoa Straumann®), Mã số152.754.

Cảnh báo: Đối với Implant Thuôn Ngang Mức Xương, chỉ dùng Bảng mẫu X quang chuyên biệt cho Implant Thuôn Ngang Mức Xương.



4.2.3 Cây chỉ thị khoảng cách implant Straumann

Hiện có Cây chỉ thị khoảng cách implant Straumann dành cho Implant Ngang Mức Xương (Mã số 026.0901) và nó cũng được dùng cho Implant Thuôn Ngang Mức Xương.

Bốn đĩa của Cây chỉ thị khoảng cách implant Straumann đại diện cho đường kính bờ vai của Implant Ngang Mức Xương. Cây chỉ thị khoảng cách implant có thể được dùng để kiểm tra khoảng hiện có trước khi bắt đầu điều trị hoặc trong lúc phẫu thuật để đánh dấu vị trí implant mong muốn.

Cây chỉ thị khoảng cách implant dành cho IMPLANT Ngang Mức Xương và Implant Thuôn Ngang Mức Xương của Straumann®			
 Art. No. 026.0901			
	Nhãn ghi trên cây	Đường kính đĩa	Implant tương ứng
Cây 1	BL Ø 4.1	Ø 4.1 mm	Implant Ngang Mức Xương Implant Thuôn Ngang Mức Xương Ø 4.1 mm
Cây 2	BL Ø 4.1	Ø 4.1 mm	Implant Ngang Mức Xương Implant Thuôn Ngang Mức Xương Ø 4.1 mm
Cây 3	BL Ø 3.3	Ø 3.3 mm	Implant Ngang Mức Xương Implant Thuôn Ngang Mức Xương Ø 3.3 mm
Cây 4	BL Ø 4.8	Ø 4.8 mm	Implant Ngang Mức Xương Implant Thuôn Ngang Mức Xương Ø 4.8 mm
Cây thay thế*	BL Ø 2.9	Ø 2.9 mm	Implant Ngang Mức Xương Implant Thuôn Ngang Mức Xương Ø 2.9 mm

4.2.4 Cây hướng dẫn Straumann® Pro Arch

Để có định hướng góc độ implant bằng thị giác và theo ba chiều (theo chiều gần-xa) và để đảm bảo tính song song trong miệng, hãy dùng Cây hướng dẫn Straumann® Pro Arch.

Cây hướng dẫn Pro Arch được dùng cho phẫu thuật đặt implant ở hàm mất răng. Cây hướng dẫn Pro Arch có thể được dễ dàng uốn cong để phù hợp theo cung răng. Nó được giữ chặt bằng cách khoan vào vùng cầm với một mũi khoan thăm dò Ø 2,2 mm và một chốt trong xương hàm. Độ sâu khoan cho để có lỗ trong xương cho chốt là 10 mm. Độ sâu khoan có thể được kiểm tra bằng mắt dùng các vạch đánh dấu độ sâu trên mũi khoan. Để điều chỉnh và tháo rời, dùng Cây vặn vít



Để có thêm thông tin về điều trị bệnh nhân mất răng và đặt nghiêng góc Implant Thuôn Ngang Mức Xương, vui lòng tham khảo *Basic information on screw-retained hybrid restorations – Straumann® Pro Arch* (Thông tin căn bản về phục hình lai bắt vít – Straumann Pro Arch), Mã số 490.015.

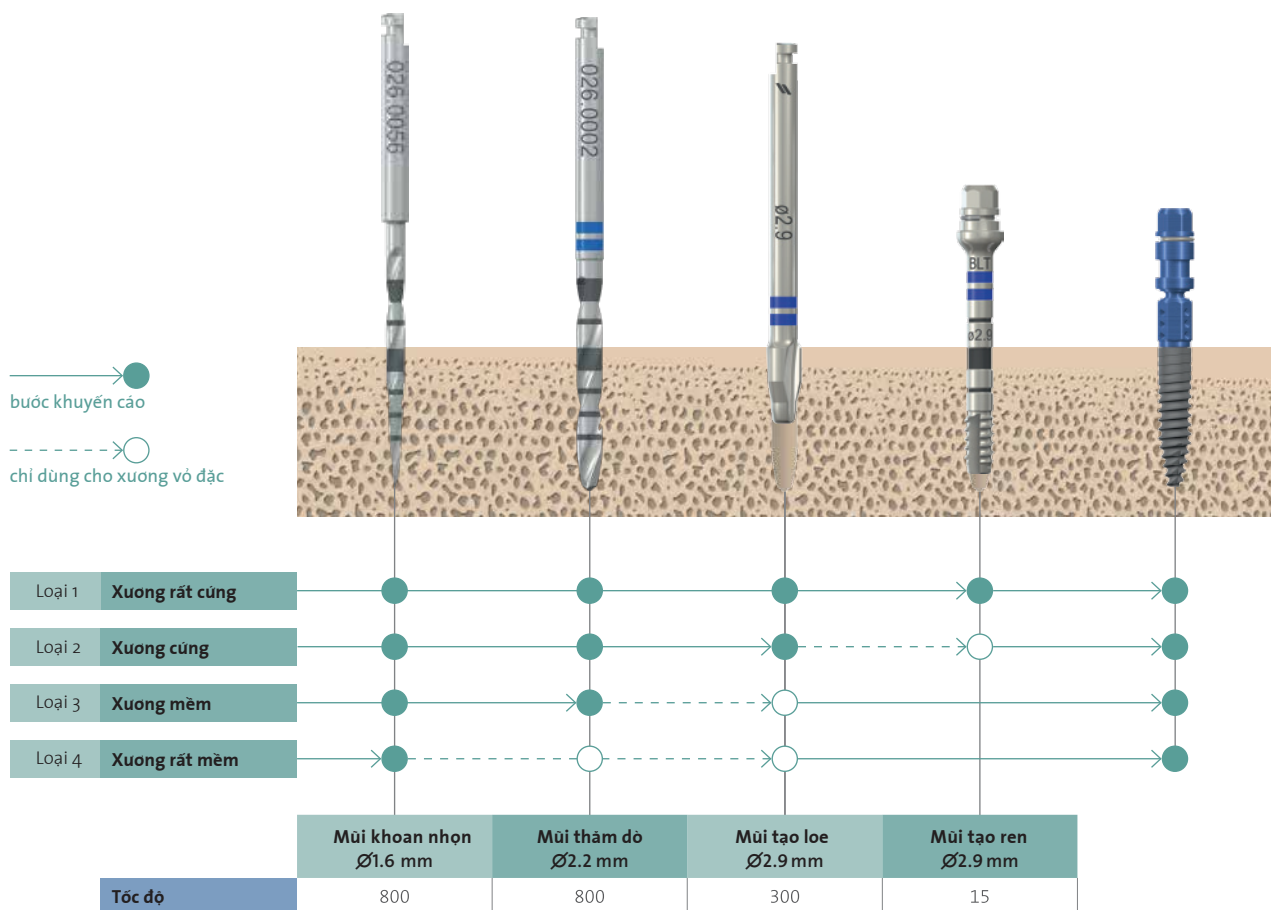
5 Thủ thuật phẫu thuật

Để sửa soạn lỗ đặt implant, Bộ Phẫu thuật Straumann® được dùng cho tất cả mọi dòng implant. Dụng cụ chuyên biệt sẽ được dùng cho Implant Thuôn Ngang Mức Xương được đánh dấu với hai vòng tô màu (xem chương 6.1 Các vạch đánh dấu trên dụng cụ Straumann)

Tùy thuộc vào mật độ xương¹⁵ (loại 1 = xương rất cứng, loại 4 = xương rất mềm) nhưng quy trình khoan khác nhau được áp dụng cho Implant Thuôn Ngang Mức Xương. Điều này mang lại tính linh hoạt để điều chỉnh việc khoan lỗ implant theo chất lượng xương và tình trạng giải phẫu riêng biệt của bệnh nhân.

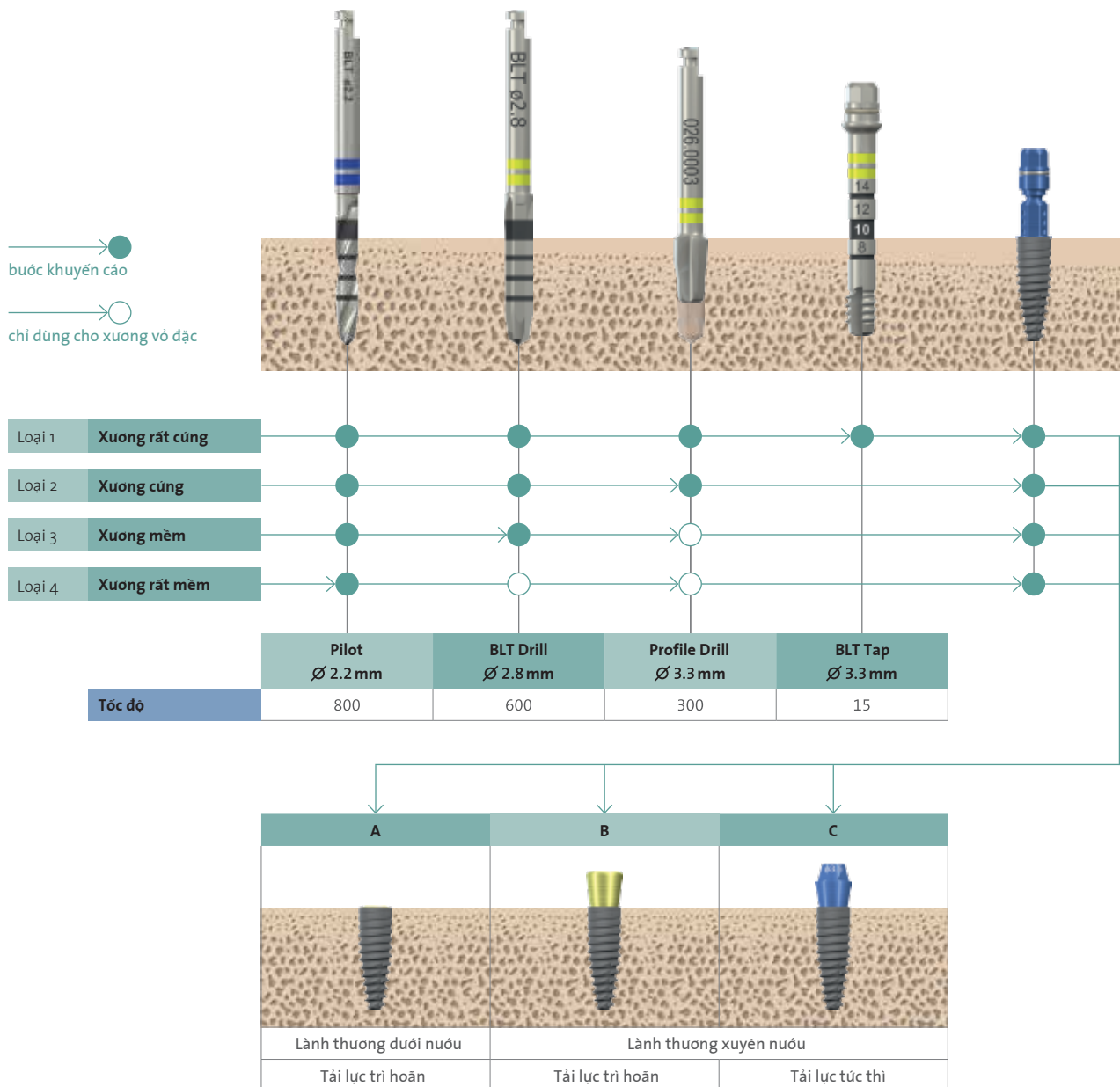
5.1 Trình tự công việc

5.1.1. Implant trụ thuôn ngang mức xương Ø2.9mm SC



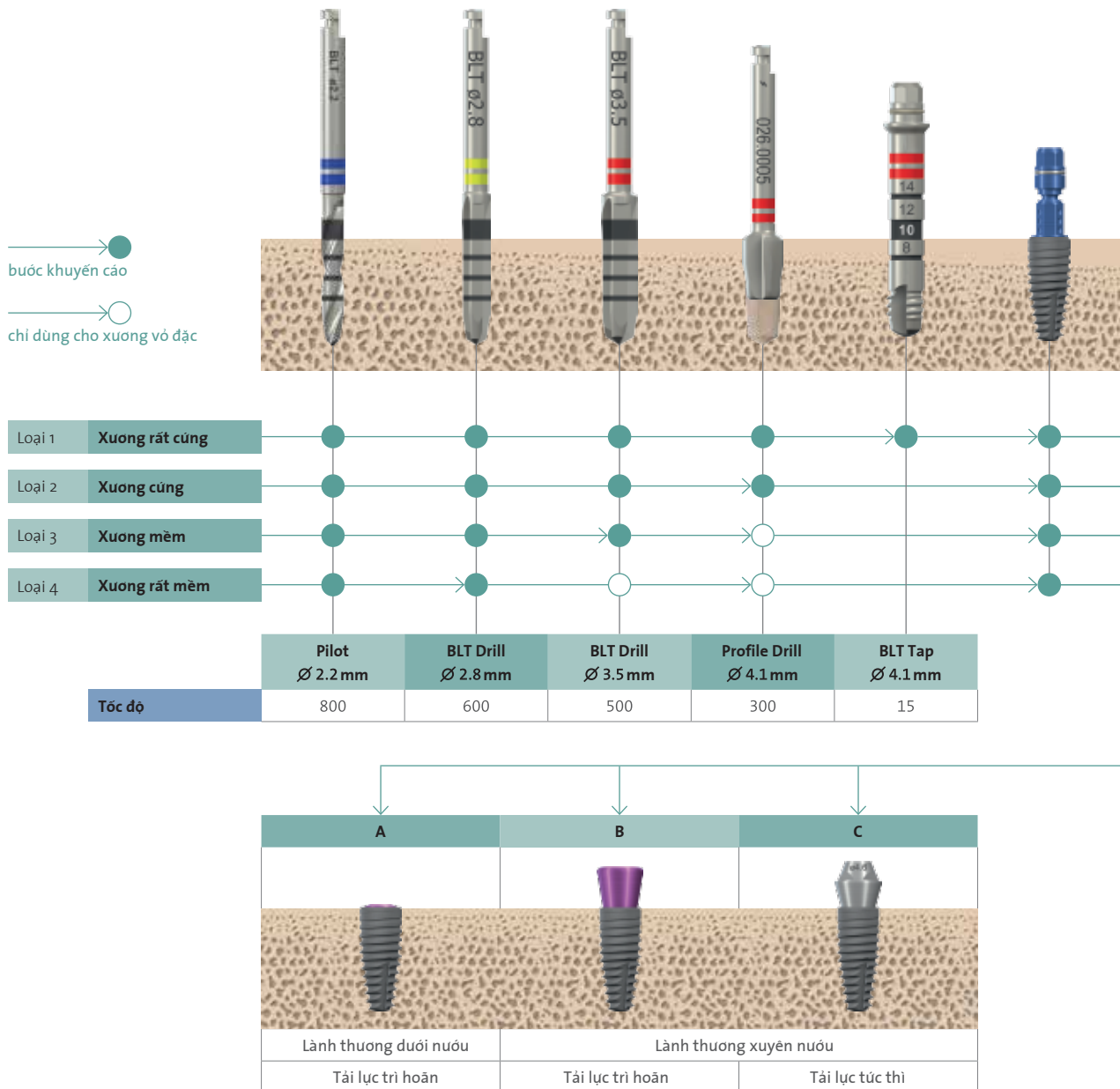
Chú ý: Trong trường hợp xương xốp và rất xốp với đỉnh xương vô dày, mũi khoan tạo lỗ được khuyến cáo sử dụng để tạo phần xương vô.

5.1.1 Straumann® Bone Level Tapered 3.3 mm NC



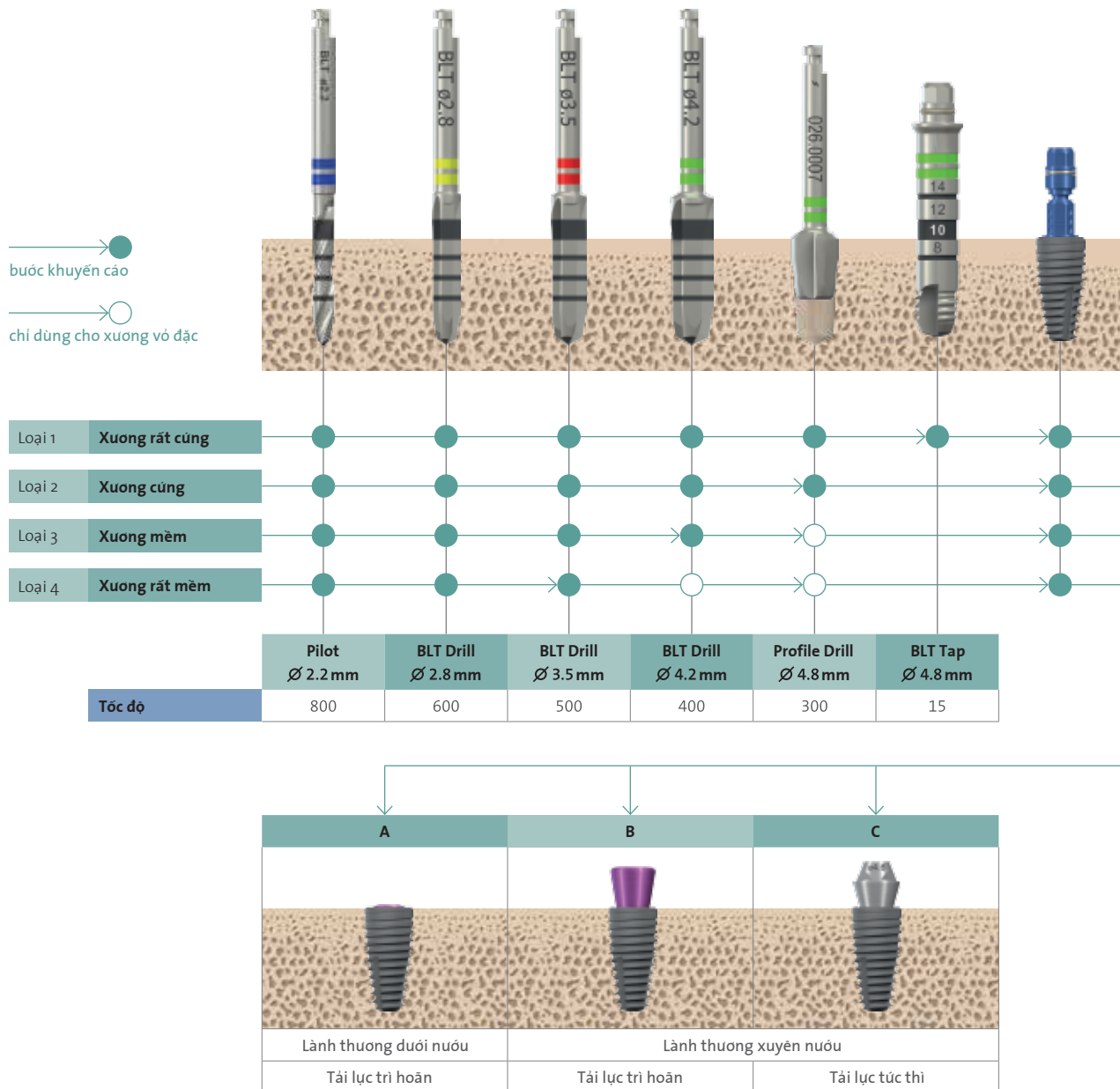
Chú ý: Ở loại xương mềm và rất mềm có xương vỏ đặc, chúng tôi khuyến cáo nên dùng mũi Profile Drill để sửa soạn phần xương vỏ của lỗ đặt implant.

5.1.2 Straumann® Bone Level Tapered 4.1 mm RC



Chú ý: Ở loại xương mềm và rất mềm có xương vô đặc, chúng tôi khuyến cáo nên dùng mũi Profile Drill để sửa soạn phần xương vô của lỗ đặt implant.

5.1.3 Straumann® Bone Level Tapered 4.8 mm RC



Chú ý: Ở loại xương mềm và rất mềm có xương vô đặc, chúng tôi khuyến cáo nên dùng mũi Profile Drill để sửa soạn phần xương vô của lỗ đặt implant.

5.2 Sửa soạn lỗ đặt implant

Sửa soạn lỗ đặt implant trong ví dụ Implant Ngang Mức Xương Ø 4.1 mm ở xương rất cứng (loại 1).

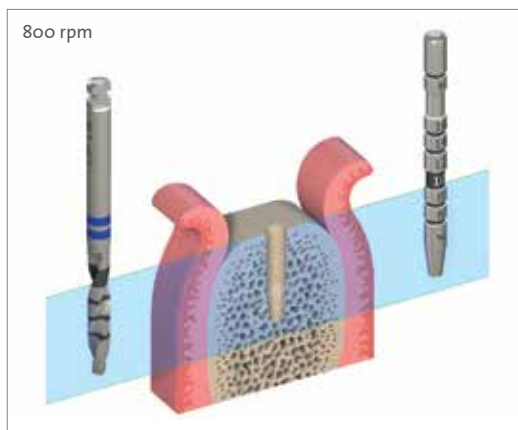
Sau khi mở nướu, việc sửa soạn lỗ đặt implant bắt đầu với việc sửa soạn sống hàm (Bước 1) và đánh dấu vị trí đặt implant bằng mũi khoan tròn (Bước 1), sau đó là sửa soạn lỗ đặt implant với Mũi BLT Pilot Drill và các mũi Khoan BLT Drills (Bước 2 và 4) theo đường kính trong xương của implant. Lỗ đặt implant được làm rộng trong lớp xương vỏ bằng mũi khoan BLT Profile Drill (Bước 5) và ren được cắt trước trong xương với mũi BLT Tap (Bước 6).



Bước 1 – Sửa soạn sống hàm và đánh dấu vị trí implant

Mài thấp và làm nhẵn cẩn thận sống hàm hẹp thuôn với mũi khoan tròn đường kính lớn. Việc này sẽ mang lại một bề mặt xương phẳng và một vùng xương đủ rộng. Đánh dấu vị trí đặt implant đã được xác định trong giai đoạn lập kế hoạch điều trị vị trí implant bằng mũi tròn Ø 1,4 mm.

Chú ý: Bước này có thể không áp dụng hoặc khác đi tùy theo tình huống lâm sàng (ví dụ: ở răng mới nhỏ).



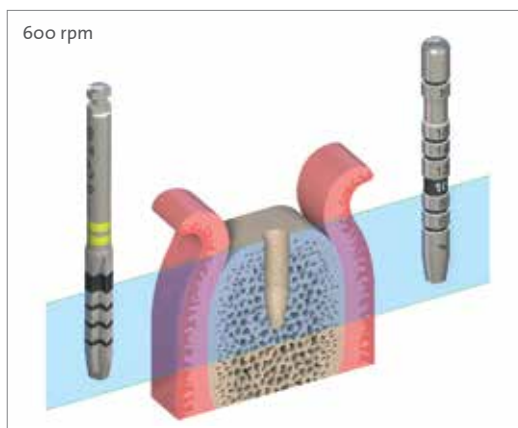
Bước 2 - Trục implant và độ sâu implant

Với Mũi khoan thăm dò BLT Pilot Drill Ø 2,2 mm, đánh dấu trục implant bằng cách khoan đến độ sâu khoảng 6 mm. cắm một Chốt kiểm soát thẳng hàng Ø 2,2 mm để kiểm tra định hướng trục implant đúng.

Dùng mũi khoan thăm dò BLT Pilot Drill Ø 2,2 mm để sửa soạn lỗ đặt implant đến độ sâu sửa soạn cuối cùng. Nếu cần, chỉnh bất kỳ định hướng trục implant nào không đạt yêu cầu.

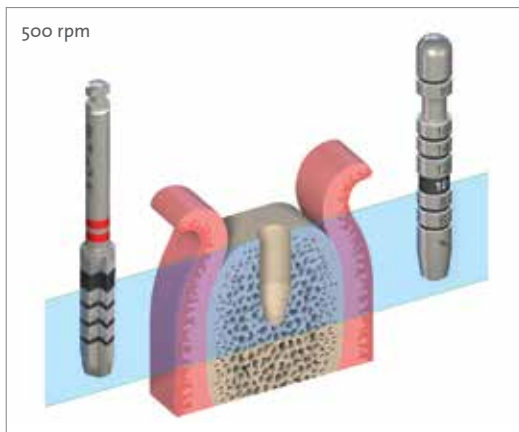
Dùng chốt kiểm soát thẳng hàng Ø 2,2 mm lại một lần nữa để kiểm tra trục implant và độ sâu sửa soạn.

Thận trọng: Vào lúc này, chụp phim tia X, đặc biệt trong trường hợp xương hiện có ít theo chiều đứng. Chốt kiểm soát thẳng hàng được cắm vào trong vùng đã được khoan, cho phép nhìn so sánh lỗ khoan với các cấu trúc giải phẫu khác.



Bước 3 – Làm rộng lỗ đặt implant đến Ø 2,8 mm

Làm rộng lỗ đặt implant với mũi khoan BLT Drill Ø 2,8 mm. Nếu cần, chỉnh vị trí lỗ đặt implant. Dùng thước đo độ sâu (Depth Gauge) Ø 2,8 mm để kiểm tra độ sâu sửa soạn.



Bước 4 – Làm rộng lỗ đặt implant đến $\varnothing 3,5$ mm

Làm rộng lỗ đặt implant với mũi khoan BLT Drill $\varnothing 3,5$ mm. Nếu cần, chỉnh vị trí lỗ đặt implant.

Dùng thước đo độ sâu $\varnothing 3,5$ mm để kiểm tra độ sâu của lỗ khoan.



Bước 5 – Khoan profile

Tạo hình phần trên của lỗ đặt implant với mũi khoan Profile Drill $\varnothing 4,1$ mm dùng những đặc điểm định hướng như là hướng dẫn cho việc định vị theo chiều đúng.



Bước 6 – Khoan tạo ren

Tạo sẵn ren trong xương với mũi tạo ren Tap Drill $\varnothing 4,1$ mm đến hết chiều sâu của lỗ đặt implant.

Thận trọng: Mũi Profile và Mũi tạo ren được đánh dấu với hai vòng tròn có màu chỉ được dùng cho hệ thống implant thuần ngang mức xương.

5.3 Đặt implant

Implant Straumann có thể được đặt với tay khoan hoặc bằng tay với cây vận.

Không quá tốc độ tối đa 15 vòng/phút khi dùng tay khoan.

Chú ý: Implant Thuôn Ngang Mức Xương Straumann® phải được định hướng xoay cho cả hai cách đặt vào bằng tay khoan và đặt vào bằng cây vận (xem Bước 4).

Hướng dẫn từng bước sau đây cho thấy cách Implant Thuôn Ngang Mức Xương được đặt với cây vận.



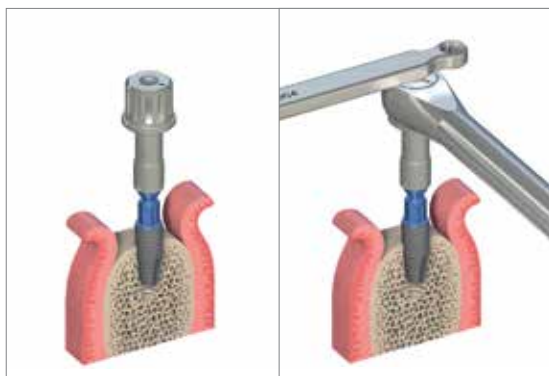
Bước 1 – Gắn phần nối cây vận vào implant

Cầm phần bao ngoài của ống bảo quản implant. Gắn phần nối cây vận vào Loxim™. Bạn sẽ nghe tiếng kêu khốp khi phần nối được gắn đúng.



Bước 2 – Tháo implant ra khỏi phần bao bì bảo quản

Kéo ống bảo quản xuống và đồng thời nhấc implant ra khỏi ống bảo quản (giữ chắc chắn cánh tay bạn).



Bước 3 – Đặt implant

Đặt implant với phần nối cây vận vào trong lỗ đặt implant. Dùng cây vận để di chuyển implant vào vị trí cuối cùng bằng cách xoay theo chiều kim đồng hồ.



Bước 4 – Chỉnh hướng implant

Khi tiến gần đến vị trí cuối cùng, đảm bảo rằng vạch đánh dấu chiều cao trên phần chuyển màu xanh được định hướng chính xác theo chiều ngoài-trong. Điều này định vị bốn phần nhô của kết nối bên trong để định hướng trụ phục hình lý tưởng. Một vòng xoay đến điểm đánh dấu kế tiếp tương ứng với sự di chuyển theo chiều đứng 0,2 mm.



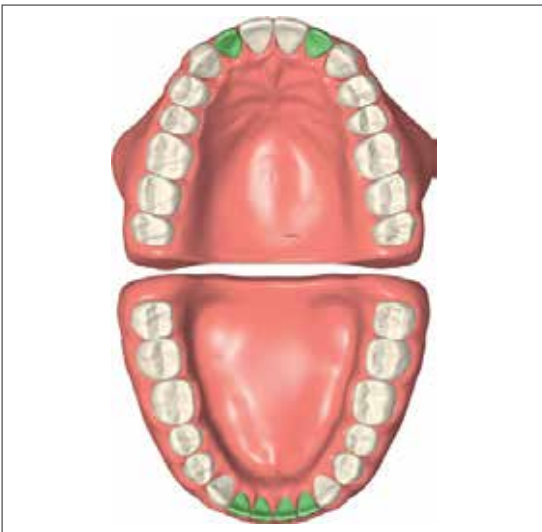
Bước 5 – Tháo dụng cụ với Loxim™

Loxim™ có thể dễ dàng được đặt vào lại để hoàn tất việc đặt implant chưa được đặt xong cho đến khi implant được đặt đến hết chiều dài. Nếu implant cần phải tháo ra trong phẫu thuật đặt implant, Loxim™ cho phép xoay ngược chiều kim đồng hồ. Sau khi đặt, tháo Loxim™ bằng phần kết nối.

Nếu đạt được độ torque khi đặt cao hơn 35 Ncm trước khi implant đi đến vị trí cuối cùng, kiểm tra xem việc sửa soạn lỗ đặt implant có đúng để tránh nén ép xương quá mức. Loxim™ được cung cấp điểm gãy đã được xác định trước ở 80 Ncm để ngăn ngừa hư hại cấu trúc bên trong của implant, vì thế đảm bảo sự nguyên vẹn của giao diện kết nối với phức hình.

Sau khi gãy Loxim™, phần còn lại của Loxim™ phải được lấy ra và implant nếu chưa được gắn chính xác phải được tháo ra bằng Dụng cụ tháo implant 48h Explantation Device. Sau đó, lỗ đặt implant phải được sửa soạn lại và phải dùng một implant mới. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo tài liệu *Guidance for Implant Removal (Hướng dẫn tháo implant)*, mã số 152.806.

5.4 Thông tin chi tiết dòng implant BLT Ø2.9 mm



5.4.1 Chỉ định

Implant đường kính nhỏ được dùng cho các khoảng mất răng và sống hàm hẹp ở vùng răng trước, đặc biệt là với răng cửa bên hàm trên và các răng cửa dưới.

Các chỉ định đặc biệt cho implant Straumann BLT 2.9mm SC

Loại implant:		Chiều rộng sống hàm tối thiểu*	Chiều rộng khoảng mất răng tối thiểu	Chiều dài hiện có
BLT Ø 2.9 mm SC Roxolid® SLActive®/SLA®		5 mm	5 mm	10–14 mm



5.4.2 Lập kế hoạch điều trị

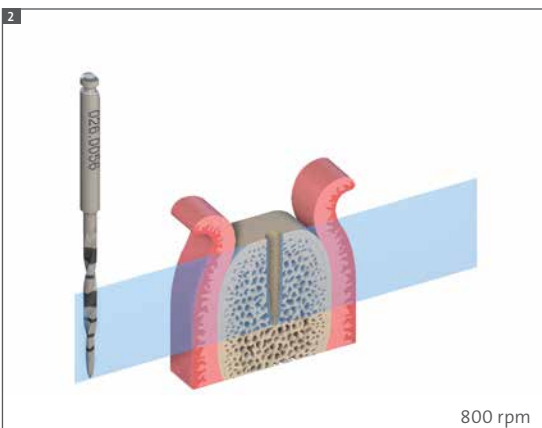
Bước 1: Sửa soạn sống hàm và đánh dấu vị trí đặt implant

Cẩn thận mài thấp và nhấn phần sống hàm nhọn với mũi khoan tròn lớn. Bước này sẽ giúp tạo một bề mặt xương phẳng và vùng xương đủ rộng. Đánh dấu vùng đặt implant đã được xác định trước đó khi lập kế hoạch điều trị, sử dụng mũi khoan tròn Ø1.4mm hoặc/và mũi khoan nhọn Ø1.6mm.

Lưu ý: Bước này có thể không cần thực hiện hoặc thực hiện khác đi tùy theo tình huống lâm sàng (chẳng hạn như với ở răng mới nhổ).

Lưu ý: Nếu sử dụng Cây đo khoảng cách kèm với mũi khoan nhọn khi đánh dấu vị trí đặt implant, nhớ đảm bảo không khoan sâu quá Ø3mm để tránh vướng dụng giữa mũi khoan nhọn với Cây đo khoảng cách.

Cảnh báo: Khuyến cáo luôn thao tác cẩn thận để tránh bị đâm vào tay.

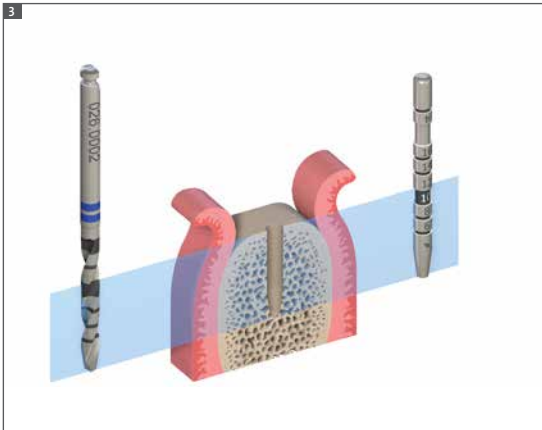


Bước 2: Trục và chiều sâu của implant

Với implant đường kính Ø2.9mm, đánh dấu trục của implant với mũi khoan nhọn đến chiều sâu tối đa là 6mm. Sử dụng mũi khoan nhọn để kiểm tra chiều hướng của trục implant.

Khoan nền xương cho implant đến chiều sâu sau cùng với mũi khoan nhọn, nếu cần thiết có thể điều chỉnh hướng của trục implant cho đúng. Sử dụng mũi khoan nhọn để kiểm tra trục implant và chiều sâu khoan xương. Với implant đường kính Ø2.9mm trên xương rất mềm (loại 4), quy trình sửa soạn nền xương cho implant sẽ kết thúc ở đây.

Cảnh báo: Chụp phim XQuang ở giai đoạn này, đặc biệt là những vùng xương thiếu chiều cao.



Bước 3: Mở rộng lỗ xương đến Ø2.2mm

Với mũi khoan thăm dò đường kính Ø2.2mm, khoan xương đến chiều sâu khoảng 6mm. Gắn chốt chỉ hướng đường kính Ø2.2mm vào để kiểm tra hướng của trục implant. Sau đó sử dụng mũi khoan thăm dò đường kính Ø2.2mm để sửa soạn nền xương cho implant đến chiều sâu dự kiến.

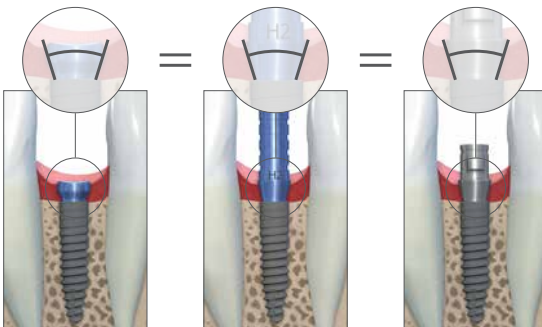
Nếu cần thiết, điều chỉnh hướng chưa đúng của trục implant. Tiếp tục sử dụng chốt chỉ hướng Ø2.2mm để kiểm tra lại trục implant và chiều sâu khoan xương.

Với implant đường kính Ø2.9mm, nếu dự kiến phục hình với trụ phục hình Variobase, sử dụng Cây định vị để kiểm tra khoảng trống hiện có cho phục hình tương lai. Quá trình sửa soạn nền xương trên xương mềm (loại 3) kết thúc tại đây.



5.4.3 Xoay implant đúng hướng

Trong quá trình đưa implant đến vị trí sau cùng, nhớ đảm bảo các chấm tròn trên cây chuyển màu xanh dương xoay đúng ra phía mặt ngoài. Điều này giúp định vị bốn chỗ lồi của kết nối trong, để điều chỉnh đúng hướng của trụ phục hình sau này. Xoay vòng để đến vị trí của chấm đánh dấu tiếp theo sẽ làm implant dịch chuyển tương ứng 0.2mm theo chiều đúng.



5.4.4 Xử trí mô mềm

Implant trụ thuần ngang mức xương 2.9mm Straumann nhấn mạnh vào các lưu ý thẩm mỹ.

Nó giúp mang lại giải pháp riêng biệt cho từng trường hợp, cho phép tạo dạng và duy trì mô mềm tự nhiên. Đồng thời có sẵn một hệ thống trụ lành thương và trụ phục hình tạm đa dạng.

Kết quả thẩm mỹ phụ thuộc rất nhiều vào quá trình xử lý mô mềm thành công. Để tối ưu hóa quá trình xử lý mô mềm, danh mục phục hình cho implant BLT 2.9mm có sẵn nhiều thành phần phục hình khác nhau với dạng thoát cố định (Consistent Emergence Profile TM). Dạng thoát này giống nhau trên tất cả các trụ lành thương, trụ phục hình tạm và trụ phục hình sau cùng. Nhờ vậy giúp đảm bảo dạng thoát đồng nhất trong suốt quá trình điều trị.

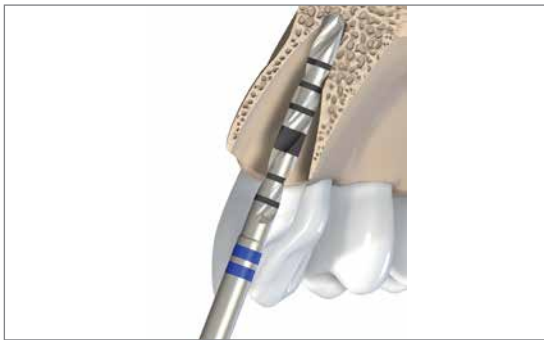
5.5 Immediate placement in extraction sites



Step 1 – Implant bed preparation

Start with the round bur to create a purchase point at the apical part of the extraction socket. Optionally, start with the needle drill in palatal direction, then straighten the drill direction to the intended implant bed axis. Drill 2 to 3 mm only, maximum to implant length.

Note: Prep the palatal wall with the round bur or side cutter bur to straighten the implant bed on the palatal side.



Step 2 – Implant axis and depth

Pre-drill the implant bed with the Ø2.2 BLT pilot drill to mark the implant axis on the palatal side of the extraction socket. Potentially direct palatally and re-direct after 1-2 mm into implant direction. Always apply lateral bur pressure towards palate with the burs while drilling. Insert the alignment pin Ø2.2 mm to check for correct implant axis orientation and preparation depth. Widen the implant bed and correct the implant bed position if necessary. Use the drill protocol for soft bone.

Note: First drill at a steep angle to straighten out the palatal wall.



Step 3 – Implant placement

Angle the implant at insertion palatally until engaged in the bone, then redirect into final implant bed position.

Note: If placed sub-osseous, consider scalloping the palatal bone to create space for the healing abutment or provisional.



Step 4 – Consider bone augmentation

Consider filling the gap between implant and buccal bone with bone chips. Complete with any required bone augmentation procedure on the buccal wall.

5.6 Kiểm soát mô mềm

Sau khi đặt implant, đặt implant bằng cách dùng tay siết chặt vít đặt hoặc trụ lành thương để bảo vệ implant. Phẫu thuật viên có thể chọn giữa hai cách lành thương dưới nướu và xuyên nướu và có thể làm tất cả mọi chọn lựa có được để quản lý mô mềm thông qua bộ gồm các thành phần lành thương thứ phát.



Lành thương dưới nướu

Đối với lành thương dưới nướu (lành thương dưới vật niêm mạc màng xương đóng lại), nên dùng vít đặt. Lành thương dưới niêm mạc được đề nghị trong những chỉ định thẩm mỹ và để đặt implant đồng thời với kỹ thuật tái sinh xương có hướng dẫn (GBR) hay kỹ thuật có dùng màng. Một thủ thuật phẫu thuật thứ hai được yêu cầu để bộc lộ implant và gắn thành phần thứ phát như mong muốn.



Lành thương xuyên nướu – Tải lực trì hoãn

Implant Straumann có loạt đa dạng các trụ lành thương có khả năng điều chỉnh mô mềm trong quá trình lành thương xuyên nướu. Chúng được khuyến cáo để dùng tức thì. Sau giai đoạn lành thương mô mềm, chúng được thay thế bằng phục hình tạm phù hợp hoặc phục hình sau cùng.



Lành thương xuyên nướu – Tải lực tức thì

Implant Straumann trong phạm vi chỉ định thì phù hợp cho phục hình tức thì và phục hình sớm ở những khoảng mất một răng đơn lẻ và ở những hàm mất răng bán phần hoặc toàn phần. Độ ổn định ban đầu tốt và tải lực khớp cắn phù hợp là rất cần thiết. Để làm phục hình tạm tức thì, dòng sản phẩm phục hình Ngang Mức Xương mang đến một loạt các trụ phục hình tạm và trụ phục hình sau cùng.

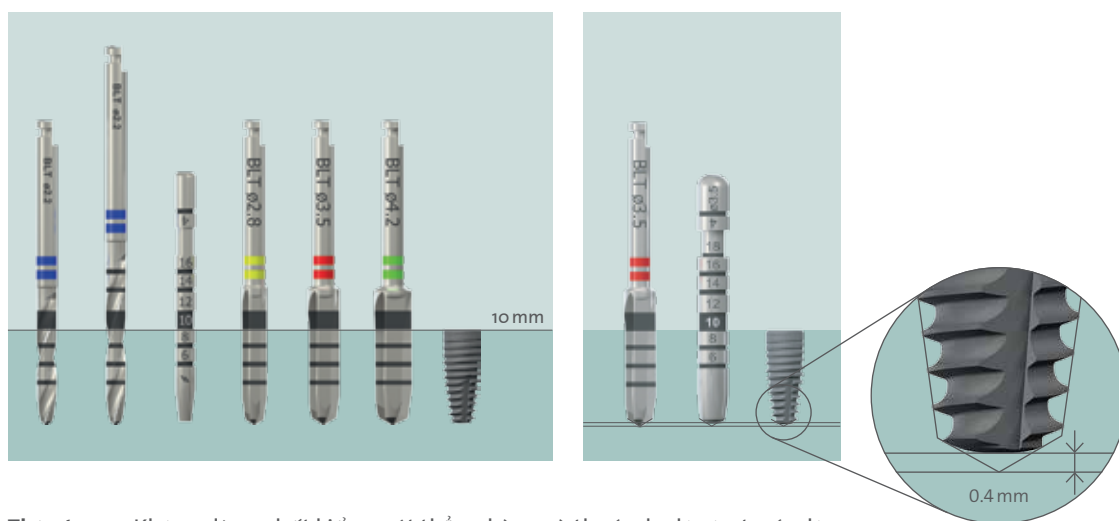
Để biết thêm thông tin, xin vui lòng xem *Basic Information on the Prosthetic Procedures – Straumann® Bone Level System* (Thông tin căn bản về thủ thuật phục hình – Hệ thống Ngang Mức Xương của Straumann®), mã số 152.810.

6 Quy trình phục hình

6.1 Những vạch đánh dấu chỉ độ sâu trên dụng cụ Straumann®

Dụng cụ Straumann có các vạch đánh dấu cách nhau 2 mm tương ứng với những chiều dài implant hiện có. Vạch đánh dấu đậm trên mũi khoan đại diện cho 10 mm và 12 mm, trong đó rìa dưới của vạch đánh dấu tương ứng với 10 mm và rìa trên tương ứng 12 mm. Vạch đánh dấu thứ 2 trên mũi khoan dài tương ứng cho 16 mm và 18 mm trong đó rìa dưới của vạch đánh dấu tương ứng với 16 mm và rìa trên tương ứng 18 mm..

Cảnh báo: Do chức năng và thiết kế của mũi khoan, đầu mũi khoan dài hơn 0,4 mm so với độ sâu của implant.



Thận trọng: Không dùng chốt kiểm soát thẳng hàng và thước đo độ sâu trước đây cho Implant Thuồn Ngang Mức Xương vì chúng chỉ thị sai độ sâu.

6.2 Làm sạch và chăm sóc dụng cụ

Xử lý cẩn thận mọi dụng cụ là điều rất quan trọng. Ngay cả sự hư hỏng nhỏ, ví dụ hư hỏng đầu mũi khoan (khi mũi khoan được “ném” vào một chén nước) làm suy giảm hiệu quả cắt và vì thế làm hại đến kết quả lâm sàng. Với sự chăm sóc đúng và cẩn thận, chất lượng cao của vật liệu và sự tinh xảo tuyệt vời của dụng cụ đảm bảo rằng các dụng cụ quay có thể được dùng lại (khuyến cáo cho đến tối đa 10 lần). Bảng theo dõi phẫu thuật dành cho các dụng cụ cắt của Straumann®, mã số 152.755 giúp mang lại tổng quan về việc từng dụng cụ đã được dùng bao nhiêu lần rồi.

Dụng cụ Straumann có hiệu quả cắt cao là yêu cầu căn bản cho việc đặt implant thành công. Vì thế nên nhớ những điều sau đây:

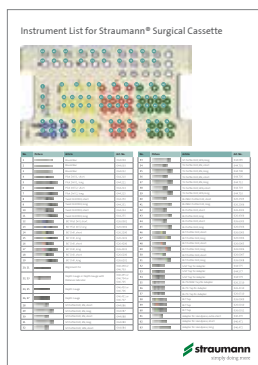
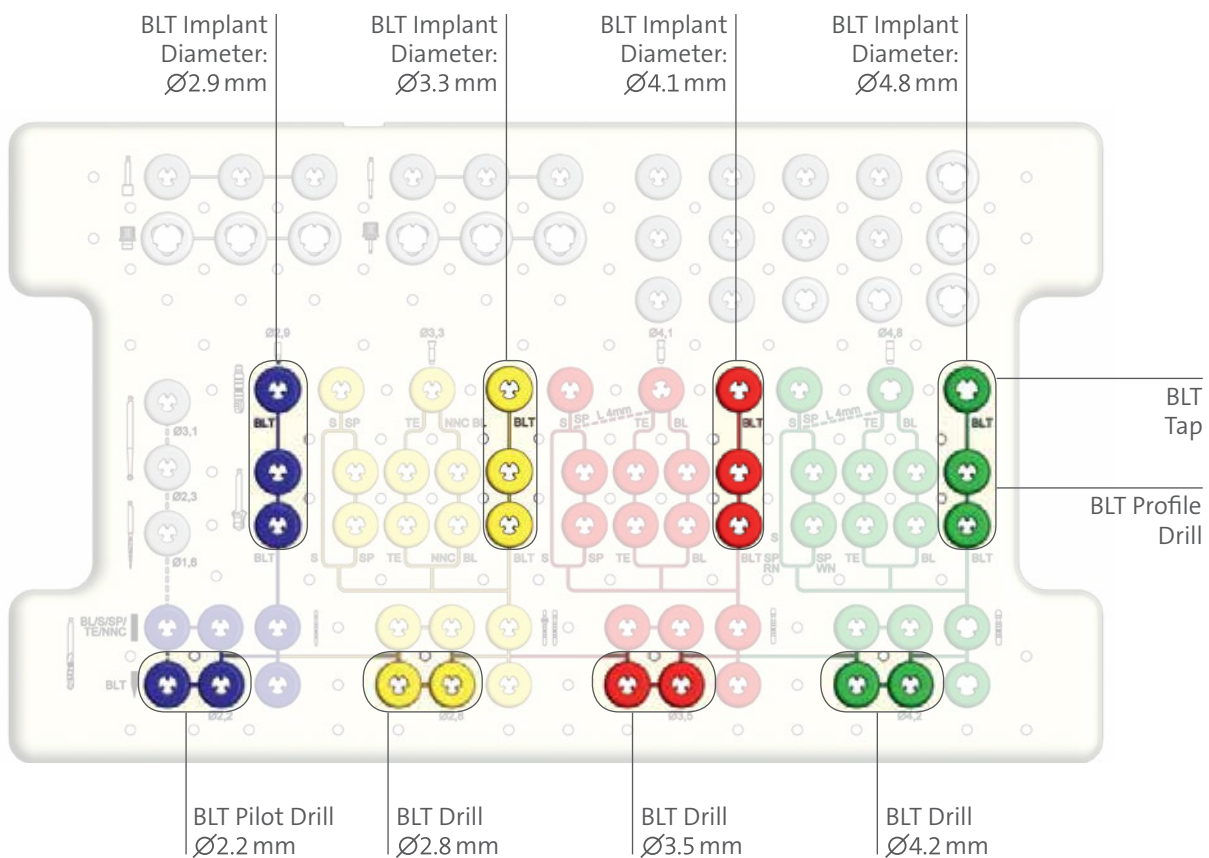
- Không cho phép đặt dụng cụ xuống ở đầu dùng cụ
- Dùng dụng cụ chỉ cho mục đích chuyên biệt của nó
- Không bao giờ để những tàn dư của phẫu thuật (máu, chất tiết, vụn mô) khô trên dụng cụ; làm sạch ngay sau phẫu thuật.
- Chỉ làm sạch lớp phủ dụng cụ bằng bàn chải mềm. Tháo rời dụng cụ, làm sạch các hốc trong dụng cụ thật kỹ.
- Không khử trùng, làm sạch (cũng như siêu âm) hoặc tiệt trùng dụng cụ được làm bằng những chất liệu khác nhau cùng với nhau.
- Chỉ dùng chất làm sạch và khử nhiễm dành riêng cho dụng cụ và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Rửa sạch chất khử nhiễm và chất làm sạch bằng nước.
- Không để hoặc bảo quản dụng cụ ở trạng thái ẩm hoặc ướt.



Để có thông tin chi tiết, xin vui lòng xem *Care và Maintenance of Surgical and Prosthetic Instruments* (Chăm sóc và bảo trì dụng cụ phẫu thuật và phục hình), 152.008.

6.3 Hộp dụng cụ phẫu thuật Straumann®

Hộp dụng cụ phẫu thuật được dùng để bảo quản chặt và tiệt trùng dụng cụ phẫu thuật và trụ của Hệ thống Implant Nha khoa Straumann®. Hộp dụng cụ phẫu thuật được làm bằng hợp chất nhiệt dẻo có khả năng chống sốc cao, đã được chứng minh nhiều năm trong y khoa và thích hợp để tiệt trùng thường xuyên trong autoclave.



Màu sắc thống nhất đại diện cho quy trình làm việc mà bạn cần đi theo. Để có thông tin về cách trang bị Hộp đựng dụng cụ, xin vui lòng xem *Instrument List for Straumann® Surgical Cassette* (Danh mục dụng cụ cho hộp phẫu thuật Straumann®), mã số 152.746

- Đường kính implant trong xương 3.3 mm
- Đường kính implant trong xương 4.1 mm
- Đường kính implant trong xương 4.8 mm

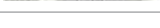
Để có hướng dẫn tiết trùng Hộp phẫu thuật, xin vui lòng xem *Care và Maintenance of Surgical and Prosthetic Instruments* (Chăm sóc và bảo trì dụng cụ phẫu thuật và phục hình), 152.008.

7 Danh mục tham chiếu sản phẩm

7.1 Trụ Implant

Mã số		Tên sản phẩm	Kích thước	Vật liệu
Roxolid® SLActive®				
021.3308		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 3.3 mm SLActive® 8 mm	Roxolid®
021.3310		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 3.3 mm SLActive® 10 mm	Roxolid®
021.3312		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 3.3 mm SLActive® 12 mm	Roxolid®
021.3314		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 3.3 mm SLActive® 14 mm	Roxolid®
021.3316		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 3.3 mm SLActive® 16 mm	Roxolid®
021.5308		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.1 mm SLActive® 8mm	Roxolid®
021.5310		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.1 mm SLActive® 10 mm	Roxolid®
021.5312		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.1 mm SLActive® 12 mm	Roxolid®
021.5314		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.1 mm SLActive® 14 mm	Roxolid®
021.5316		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.1 mm SLActive® 16 mm	Roxolid®
021.7308		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLActive® 8 mm	Roxolid®
021.7310		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLActive® 10 mm	Roxolid®
021.7312		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLActive® 12 mm	Roxolid®
021.7314		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLActive® 14 mm	Roxolid®
021.7316		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLActive® 16 mm	Roxolid®
021.7318		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLActive® 18 mm	Roxolid®
Roxolid® SLA®				
021.3508		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 3.3 mm SLA® 8 mm	Roxolid®
021.3510		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 3.3 mm SLA® 10 mm	Roxolid®
021.3512		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 3.3 mm SLA® 12 mm	Roxolid®
021.3514		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 3.3 mm SLA® 14 mm	Roxolid®
021.3516		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 3.3 mm SLA® 16 mm	Roxolid®
021.5508		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.1 mm SLA® 8 mm	Roxolid®
021.5510		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.1 mm SLA® 10 mm	Roxolid®
021.5512		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.1 mm SLA® 12 mm	Roxolid®
021.5514		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.1 mm SLA® 14 mm	Roxolid®
021.5516		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.1 mm SLA® 16 mm	Roxolid®
021.7508		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLA® 8 mm	Roxolid®
021.7510		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLA® 10 mm	Roxolid®
021.7512		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLA® 12 mm	Roxolid®
021.7514		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLA® 14 mm	Roxolid®
021.7516		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLA® 16 mm	Roxolid®
021.7518		Implant Thuôn Ngang Mức Xương	Ø 4.8 mm SLA® 18 mm	Roxolid®

7.2 Dụng cụ

Mã số		Tên sản phẩm	Kích thước	Vật liệu
Mũi khoan Thuận Ngang Múc Xương				
026.0001		Mũi khoan BLT Pilot ngắn	Length 33 mm, Ø 2.2 mm	Stainless steel
026.0002		Mũi khoan BLT Pilot dài	Length 41 mm, Ø 2.2 mm	Stainless steel
026.2200		Mũi khoan BLT Pilot ngắn	Length 33 mm, Ø 2.8 mm	Stainless steel
026.2201		Mũi khoan BLT Pilot dài	Length 41 mm, Ø 2.8 mm	Stainless steel
026.4200		Mũi khoan BLT Pilot ngắn	Length 33 mm, Ø 3.5 mm	Stainless steel
026.4201		Mũi khoan BLT Pilot dài	Length 41 mm, Ø 3.5 mm	Stainless steel
026.6200		Mũi khoan BLT Pilot ngắn	Length 33 mm, Ø 4.2 mm	Stainless steel
026.6201		Mũi khoan BLT Pilot dài	Length 41 mm, Ø 4.2 mm	Stainless steel
Mũi Profile Thuận Ngang Múc Xương				
026.0003		Mũi khoan BLT Pilot ngắn	Length 25 mm, Ø 3.3 mm	Stainless steel
026.0004		Mũi khoan BLT Pilot dài	Length 33 mm, Ø 3.3 mm	Stainless steel
026.0005		Mũi khoan BLT Pilot ngắn	Length 25 mm, Ø 4.1 mm	Stainless steel
026.0006		Mũi khoan BLT Pilot dài	Length 33 mm, Ø 4.1 mm	Stainless steel
026.0007		Mũi khoan BLT Pilot ngắn	Length 25 mm, Ø 4.8 mm	Stainless steel
026.0008		Mũi khoan BLT Pilot dài	Length 33 mm, Ø 4.8 mm	Stainless steel
Mũi khoan tạo ren Thuận Ngang Múc Xương				
026.0009		Mũi khoan tạo ren BLT	Length 25 mm, Ø 3.3 mm	Stainless steel/TAN
026.0010		Mũi khoan tạo ren BLT	Length 25 mm, Ø 4.1 mm	Stainless steel/TAN
026.0011		Mũi khoan tạo ren BLT	Length 25 mm, Ø 4.8 mm	Stainless steel/TAN
Chốt kiểm soát thẳng hàng và Thuốc đo độ sâu				
046.703		Chốt kiểm soát thẳng hàng	Length 27 mm, Ø 2.2 mm	Titanium
046.704		Thuốc đo độ sâu có chỉ thị khoảng cách	Length 27 mm, Ø 2.2/2.8 mm	Titanium
046.705		Thuốc đo độ sâu	Length 27 mm, Ø 2.8 mm	Titanium
046.706		Thuốc đo độ sâu	Length 27 mm, Ø 3.5 mm	Titanium
046.707		Thuốc đo độ sâu	Length 27 mm, Ø 4.2 mm	Titanium

Chú ý: Một số sản phẩm Straumann được kê ở đây có thể không có cho tất cả mọi quốc gia. Xin vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của nước bạn để biết chi tiết.

7.3 Phụ tùng

Mã số		Ten sản phẩm	Kích thước	Vật liệu
046.119		Cây vận	Chiều dài 84 mm	Thép không gỉ
045.111V4		Chổi làm vệ sinh cây vận	Chiều dài 84 mm, Ø 4,5 mm	Thép không gỉ/Nylon
046.049		Thiết bị kiểm soát torque cho cây vận	Chiều dài 82 mm	Thép không gỉ
046.064		Khoá giữ	Chiều dài 85 mm	Thép không gỉ
026.2558		Trợ cụ thảo N cho Loxim™	Chiều dài 90 mm	Thép không gỉ
026.4558		Trợ cụ thảo R/W cho Loxim™	Chiều dài 90 mm	Thép không gỉ
046.460		Phần nối cho cây vận, cực ngắn	Chiều dài 11 mm	Thép không gỉ
046.461		Phần nối cho cây vận, ngắn	Chiều dài 18 mm	Thép không gỉ
046.462		Phần nối cho cây vận, dài	Chiều dài 28 mm	Thép không gỉ
046.470		Phần nối cho tay khoan, cực ngắn	Chiều dài 19 mm	Thép không gỉ
046.471		Phần nối cho tay khoan, ngắn	Chiều dài 26 mm	Thép không gỉ
046.472		Phần nối cho tay khoan, dài	Chiều dài 34 mm	Thép không gỉ
046.400		Vặn vít SCS dùng với cây vận, cực ngắn	Chiều dài 15 mm	Cronidur® 30
046.401		Vặn vít SCS dùng với cây vận, ngắn	Chiều dài 21 mm	Cronidur® 30
046.402		Vặn vít SCS dùng với cây vận, dài	Chiều dài 27 mm	Cronidur® 30
046.410		Vặn vít SCS dùng với tay khoan, cực ngắn	Chiều dài 20 mm	Cronidur® 30
046.411		Vặn vít SCS dùng với tay khoan, ngắn	Chiều dài 26 mm	Cronidur® 30
046.412		Vặn vít SCS dùng với tay khoan, dài	Chiều dài 32 mm	Cronidur® 30
026.2048		Thiết bị tháo implant 48h cho Implant Ngang Mức Xương NC	Ø 8 mm, Chiều dài 31.4 mm	Thép không gỉ
026.4048		Thiết bị tháo implant 48h cho Implant Ngang Mức Xương RC	Ø 8 mm, Chiều dài 31.2 mm	Thép không gỉ
046.421		Vặn vít lực giác	Chiều dài 30 mm	Thép không gỉ
026.0016		Cây hướng dẫn Straumann® Pro Arch		

7.4 Danh sách tham khảo sản phẩm Implant BLT Ø2.9mm

Mã số		Tên sản phẩm
021.0010		Implant BLT Ø2.9mm SC, SLActive® 10mm, Roxolid®, Loxim®
021.0012		Implant BLT Ø2.9mm SC, SLActive® 12mm, Roxolid®, Loxim®
021.0014		Implant BLT Ø2.9mm SC, SLActive® 14mm, Roxolid®, Loxim®
024.0006S		SC Nắp đậy, Ø2.4mm, H 0.5mm, Ti
024.0007S		SC trụ lành thương, hình nón, bầu dục, H 2mm, Ti
024.0008S		SC trụ lành thương, hình nón, bầu dục, H 3.5mm, Ti
024.0009S		SC trụ lành thương, hình nón, bầu dục, H 5mm, Ti
024.0010S		SC trụ lành thương, hình nón, bầu dục, H 6.5mm, Ti
025.0020		SC trụ lấy dấu khay đóng với 1 vít vận và 2 nắp gắn, L 19mm, TAN/POM
025.0021		SC trụ lấy dấu khay mở, ngắn
025.0022		SC trụ lấy dấu khay mở, với vít hướng dẫn, L 24mm, TAN
025.0023		SC bàn sao implant, L 12mm, TAN
025.0024		SC bàn sao implant có thể tái định vị, L 17mm, thép không gỉ
025.0031		SC vít vận phục hình B, L 7mm, TAN
024.0011		SC trụ phục hình tạm, hình nón, bầu dục, GH 1mm, TAN
024.0015		SC trụ phục hình tạm, hình nón, bầu dục, GH 2mm, TAN
024.0016		SC trụ phục hình tạm, hình nón, bầu dục, GH 3mm, TAN
022.0038		SC Variobase®, với vít, bầu dục, GH 1mm, TAN
022.0039		SC Variobase®, với vít, bầu dục, GH 2mm, TAN
022.0040		SC Variobase®, với vít, bầu dục, GH 3mm, TAN
023.0011		SC sườn đúc phục hình, cho Variobase®, POM
023.0011V4		SC sườn đúc phục hình, cho Variobase®, POM, packaging unit 4 pieces
025.0029		SC dụng cụ hỗ trợ đánh bóng, L 16mm, thép không gỉ
025.0025		SC CARES® trụ lấy dấu kỹ thuật số, Ø3.5mm, H 10mm, PEEK/TAN

Mã số		Tên sản phẩm
026.0054		Mũi khoan nhọn, ngắn, Ø1.6mm , L 33mm, thép không gỉ
026.0056		Mũi khoan nhọn, dài, Ø1.6mm , L 41mm, thép không gỉ
026.0058		Mũi khoan nhọn, ngắn, Ø1.6mm , L 41mm, thép không gỉ Ti
026.0061		Mũi tạo lỗ BLT, ngắn, Ø2.9mm, L 25mm, thép không gỉ
026.0062		Mũi tạo lỗ BLT, dài, Ø2.9mm, L 33mm, thép không gỉ
026.0063		Dụng cụ tạo ren BLT, Ø2.9mm, L 25mm, thép không gỉ/TAN
026.0073		Dụng cụ hỗ trợ tháo Loxim®
026.0066		SC trụ dẫn hướng, cho Ø2.9mm, thép không gỉ
026.0068		SC mũi khoan tháo implant, vừa, cho Ø2.9mm, L 37.5mm, thép không gỉ
026.0069		SC mũi khoan tháo implant, dài, cho Ø2.9mm, L 40mm, thép không gỉ
026.0072		48h Dụng cụ tháo implant, cho Ø2.9mm, L 29.7mm, thép không gỉ
025.0042		Phần chuyển cho tay khoan, dài, L 34mm, thép không gỉ
025.0043		Phần chuyển cho cây vận tay, dài, L 28mm, thép không gỉ
025.0044		Cây đo khoảng cách bổ sung cho implant BLT 2.9mm, Ti
026.0070		BL Bone Profiler
026.00715		SC Guiding Pin for BL Bone Profiler

8 Những chỉ dẫn quan trọng

Xin lưu ý

Người thực hành phải có kiến thức và hướng dẫn thao tác các sản phẩm Straumann CAD/CAM hoặc những sản phẩm khác của Straumann ("Sản phẩm Straumann") để dùng các Sản phẩm Straumann an toàn và thích hợp phù hợp với những hướng dẫn sử dụng.

Sản phẩm Straumann phải được dùng phù hợp với hướng dẫn sử dụng được cung cấp bởi nhà sản xuất. Trách nhiệm của người thực hành là sử dụng dụng cụ theo những hướng dẫn này để dùng và quyết định thiết bị có phù hợp với tình trạng của tủy cá nhân hay không.

Sản phẩm Straumann là một phần của một quan niệm tổng thể và chỉ được dùng với những thành phần và những dụng cụ chính gốc tương ứng được Viện Straumann, công ty mẹ của nó và tất cả các chi nhánh của công ty mẹ đó ("Straumann") phân phối, ngoại trừ được tuyên bố khác đi trong tài liệu này hoặc trong các hướng dẫn sử dụng của Sản phẩm Straumann tương ứng. Nếu như việc sử dụng những sản phẩm được chế tạo bởi bên thứ ba không được khuyến cáo bởi Straumann trong tài liệu này hoặc trong hướng dẫn sử dụng tương ứng, bất kỳ việc sử dụng như vậy sẽ miễn trừ sự đảm bảo hoặc những nghĩa vụ, được công bố hay ngầm hiểu của Straumann.

Sự sẵn có

Một số Sản phẩm Straumann được liệt kê trong tài liệu này có thể không có được ở mọi nước.

Thận trọng

Ngoài những lưu ý thận trọng trong tài liệu này, sản phẩm của chúng tôi phải được đảm bảo không rơi vào đường thở trong khi được dùng trong miệng.

Giá trị

Khi xuất bản tài liệu này, tất cả những phiên bản trước đây bị thay thế bởi tài liệu này.

Tài liệu

Để có hướng dẫn chi tiết về các Sản phẩm Straumann, xin liên hệ đại diện Straumann.

Bản quyền và thương hiệu

Tài liệu của Straumann® không được phép in lại hoặc xuất bản, toàn phần hay một phần, mà không có văn bản cho phép của Straumann.

Straumann® và /hoặc những thương hiệu và logo khác từ Straumann® được đề cập ở đây là những thương hiệu hoặc là những thương hiệu đã cầu chúng của Straumann Holding AG và/hoặc các chi nhánh của nó.

Giải thích những ký hiệu trên nhãn hàng và tờ hướng dẫn



Mã số mẻ hàng



Mã số trong catalogue



Tiệt trùng bằng chiếu xạ



Giới hạn dưới của nhiệt độ



Giới hạn trên của nhiệt độ



Giới hạn nhiệt độ

Rx only

Thận trọng: Luật liên bang giới hạn việc sử dụng thiết bị này bán bởi hoặc theo đơn đặt hàng của chuyên gia nha khoa



Số lần sử dụng trừ 1



Không vô trùng



Thận trọng, tham khảo tài liệu đi kèm



Dùng trước (ngày)



Tránh ánh sáng mặt trời



Sản phẩm Straumann có dấu CE đạt chuẩn của Chỉ thị về thiết bị y khoa số 93/42 EC



Tham khảo hướng dẫn sử dụng

Được phân phối độc quyền bởi:
Công ty TNHH TM
Straumann Implant Vietnam
(SIV Trading Co., Ltd)

Văn phòng đại diện SIV - TP HCM:
Phòng 7. 12A, Tầng 7, Tòa Nhà Charmington La Pointe,
Số 181 Cao Thắng Nối Dài - P.12 - Quận10 - TP HCM
ĐT: 028 3863 6345 - Email: sales@sdivina.com
Hotline: 0989 757 736

Chi nhánh Hà Nội:
Phòng 208, Tầng 2, Tòa nhà Khâm Thiên
193 - 195 Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Hà Nội
ĐT: 024 629 23604 - Email: sales01@sdivina.com
Hotline: 0974 650 393